

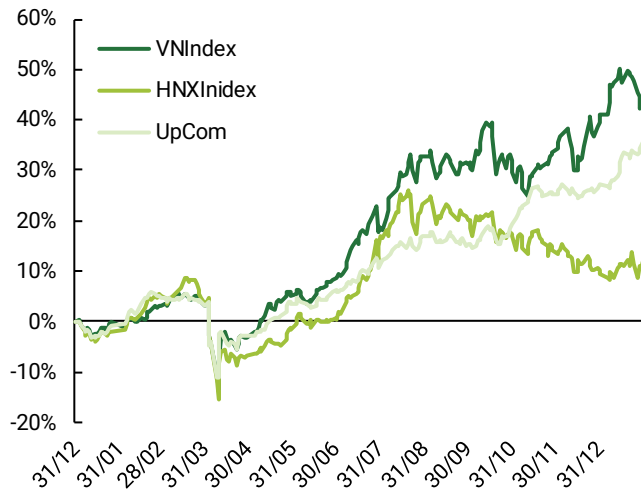
VN-Index **1829.04 (0.77%)**
 966 Tr. cổ phiếu 29282.3 Tỷ VND (14.26%)

HNX-Index **256.13 (1.35%)**
 97 Tr. cổ phiếu 2302.8 Tỷ VND (32.55%)

UPCOM-Index **129.06 (0.48%)**
 112 Tr. cổ phiếu 1550.2 Tỷ VND (9.95%)

VN30F1M **2035.00 (0.49%)**
 187,627 HD OI: 42,569 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1829.0, tăng +14.1 điểm (+0.77%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền đang trở lại phân hóa trên cơ sở định giá lại kỳ vọng. Diễn biến tích cực ghi nhận tại nhóm Tiêu dùng, Bán lẻ, Khu công nghiệp, trong khi áp lực bán vẫn chi phối ở các cổ phiếu đã tăng mạnh gần đây hoặc triển vọng kinh doanh kém đi.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: BID (+3.9%), TPB (+3.0%), TCB (+2.9%) | Bất động sản: NVL (+7.0%), SIP (+4.1%), HDG (+4.0%) | Bán lẻ: DGW (+4.1%), MWG (+3.8%), FRT (+3.0%) | Dầu khí: PVD (+3.3%), BSR (+2.5%) | Tiện ích: PGV (+4.7%), POW (+2.6%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Hóa chất: HII (-6.9%), GVR (-2.5%), DCM (-1.1%) | Công nghệ: FPT (-1.5%), ELC (-1.2%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | BID, TCB, VCB, MWG, MBB - Chiều giảm | VHM, GVR, FPT, HPG, GEE

Khối ngoại Mua ròng gần 680 tỷ, tập trung nhiều ở HPG, MSN, BID, trong khi bán ròng VIC, ACB, MWG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Spinning Top, thanh khoản cải thiện so với phiên trước song vẫn thấp hơn mức bình quân 20 phiên, hàm ý lực cầu mua lên còn thận trọng. Dòng tiền trở lại phân hóa trên cơ sở định giá lại kỳ vọng. Về kỹ thuật, MACD và RSI có dấu hiệu cải thiện nhưng chưa phát tín hiệu rõ ràng, cho thấy diễn biến hiện tại vẫn nghiêng về nhịp hồi phục kỹ thuật. Áp lực điều chỉnh tiềm ẩn tại các cổ phiếu trụ lớn như Vingroup, Vietjet và Gelex có thể gây tác động đến vận động của chỉ số. Trong ngắn hạn, vùng kháng cự gần nằm quanh mốc 1850 điểm, nơi đà hồi phục có thể chững lại, trong khi vùng hỗ trợ thấp hơn được nâng lên quanh 1770 điểm, tương ứng với ngưỡng MA50 ngày.
- **HNX-Index** kết phiên vượt MA50 ngày với thanh khoản đồng thuận, cho thấy trạng thái kiểm định tốt khu vực 250 – 254. Vận động có thể hướng tới mốc kháng cự cao hơn, quanh ngưỡng 260 điểm.
- **Chiến lược chung:** Tỷ trọng tài khoản nên được duy trì ở mức trung bình. Chiều mua mới phù hợp khẩu vị lướt sóng theo dòng tiền, có thể tận dụng tín hiệu kiểm định tốt hỗ trợ và bật tăng ngắn hạn ở các cổ phiếu. Ưu tiên lựa chọn các mã vận động đồng pha với sóng ngành. Nhóm ngành nổi bật: Bán lẻ, Thực phẩm và đồ uống, Công nghệ, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua DCM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,829.0	0.77%	-2.2%	3.5%	29,282.3	14.3%	-0.3%	41.2%	965.5	21.6%	8.6%	50.6%
HNX-Index	256.1	1.35%	1.3%	2.2%	2,302.8	32.6%	11.2%	21.1%	97.1	28.1%	5.1%	2.5%
UPCOM-Index	129.1	0.48%	1.6%	6.9%	1,550.2	9.9%	-5.1%	266.5%	111.8	109.4%	28.2%	313.7%
VN30	2,029.8	0.5%	-2.3%	1.0%	17,708.2	10.7%	3.1%	32.1%	403.3	18.9%	4.3%	20.8%
VNMID	2,227.2	1.1%	-0.9%	-0.1%	8,678.9	22.9%	3.9%	57.1%	321.1	36.1%	2.7%	54.4%
VNSML	1,493.7	0.50%	-0.4%	1.0%	1,420.1	-2.1%	-19.5%	42.5%	92.7	-13.9%	-13.7%	46.3%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	694.6	1.6%	-2.47%	10.4%	7,573.9	37.90%	-7.2%	-25.4%	251.4	26.6%	-8.8%	-26.5%
Bất động sản	721.6	0.3%	-10.7%	-9.1%	4,360.6	38.0%	10.0%	-13.3%	162.5	49.4%	21.4%	5.4%
Dịch vụ tài chính	323.3	1.0%	-1.1%	3.8%	2,639.6	41.4%	-27.8%	-36.2%	102.4	35.0%	-28.5%	-35.3%
Công nghiệp	266.4	-0.5%	-5.6%	-5.7%	1,008.8	-3.0%	-16.0%	-31.9%	27.5	-4.8%	-19.5%	-28.4%
Tài nguyên cơ bản	531.8	-0.8%	0.6%	1.8%	1,750.1	84.3%	84.5%	36.3%	68.5	68.5%	70.0%	27.5%
Xây dựng - Vật Liệu	183.6	1.6%	-3.3%	0.2%	1,342.8	54.9%	6.7%	7.6%	62.5	36.8%	-2.9%	4.4%
Thực phẩm	560.3	0.0%	0.8%	2.5%	2,278.2	-45.3%	-12.9%	0.4%	44.8	-42.2%	-20.6%	-9.4%
Bán Lẻ	1,705.1	3.4%	3.9%	5.1%	2,563.5	32.2%	109.8%	159.6%	31.5	31.7%	83.8%	129.3%
Công nghệ	556.1	-1.4%	2.0%	11.7%	1,335.2	-16.5%	-0.4%	16.7%	14.5	-16.7%	-4.1%	7.7%
Hóa chất	202.6	-1.34%	1.3%	36.8%	892.4	-6.9%	-23.5%	-20.5%	24.7	-0.6%	-15.5%	-16.3%
Tiện ích	941.6	0.5%	5.8%	31.9%	765.3	2.1%	-20.9%	-10.1%	23.5	-1.4%	-15.9%	-17.7%
Dầu khí	109.8	2.42%	0.3%	38.0%	1,392.9	22.3%	-20.6%	-1.2%	45.1	34.4%	-17.6%	-7.6%
Dược phẩm	454.1	0.6%	0.3%	5.4%	56.8	12.4%	6.2%	11.6%	1.8	-23.1%	-32.0%	-13.7%
Bảo hiểm	110.6	0.6%	-7.3%	13.4%	59.7	-27.1%	-45.0%	-53.6%	1.2	-40.6%	-46.5%	-56.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,829.0	0.77%	44.4%	17.6x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,326	-0.41%	-5.3%	14.2x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,330	1.18%	17.7%	20.6x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,746	0.43%	1.3%	16.8x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,329	1.70%	-3.1%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,118	-0.96%	22.9%	19.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	27,387	-2.08%	36.5%	14.2x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,323	-0.10%	33.7%	22.6x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,969	-0.13%	18.5%	27.8x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	49,072	0.11%	15.3%	25.4x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,188	0.16%	24.6%	15.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,928	0.61%	21.1%	17.9x	2.5x
DXY		96.6	0.15%	-11.0%		
USDVND		25,932	-0.34%	1.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

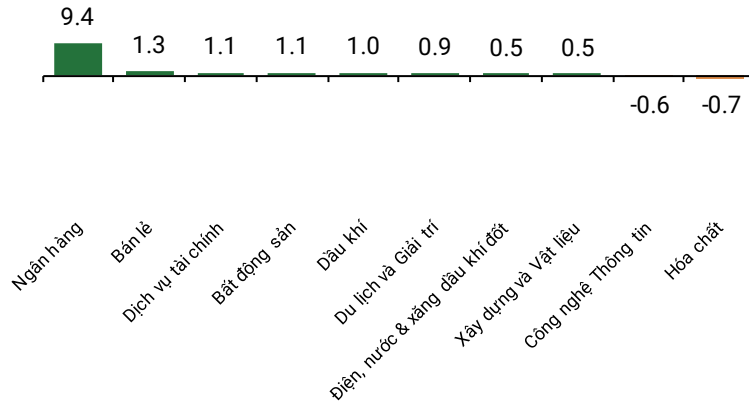
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.9%	13.2%	-6.1%	-8.8%
Dầu WTI	▼	-1.0%	11.8%	-9.7%	-11.0%
Khí gas	▼	-0.9%	-2.3%	6.8%	27.4%
Than cốc (*)	▲	3.6%	0.0%	-10.6%	-4.6%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	0.1%	-5.5%	-5.0%
PVC (*)	▬	0.0%	0.0%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	4.4%	15.3%	9.9%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.3%	3.9%	-5.3%	-5.2%
Bông Cotton	▼	-0.6%	-1.6%	-7.4%	-4.5%
Đường	▼	-2.0%	-2.8%	-25.1%	-25.9%
World Container Index	▼	-4.7%	-4.78%	-44.6%	-37.4%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.4%	25.3%	78.3%	90.4%
Vàng	▼	-5.9%	17.5%	94.3%	82.5%
Bạc	▼	-14.0%	31.6%	247.4%	217.7%

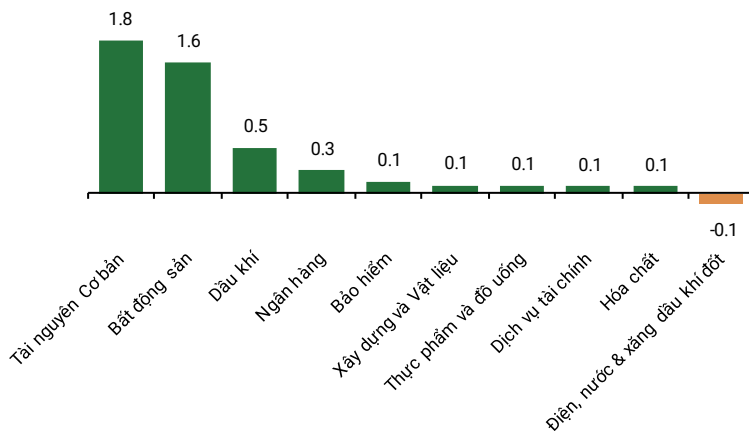
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

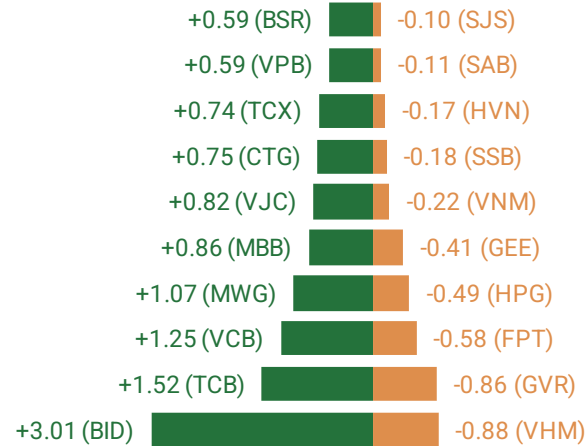
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



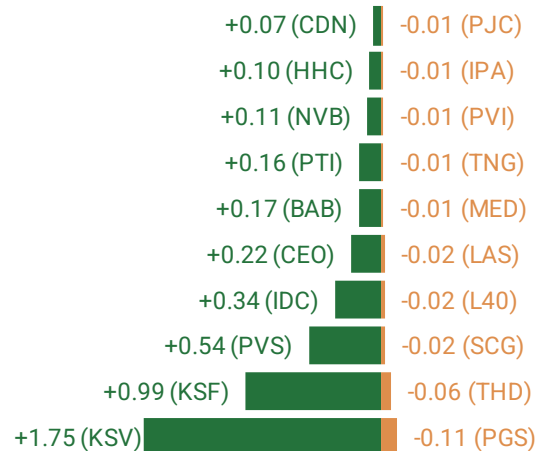
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

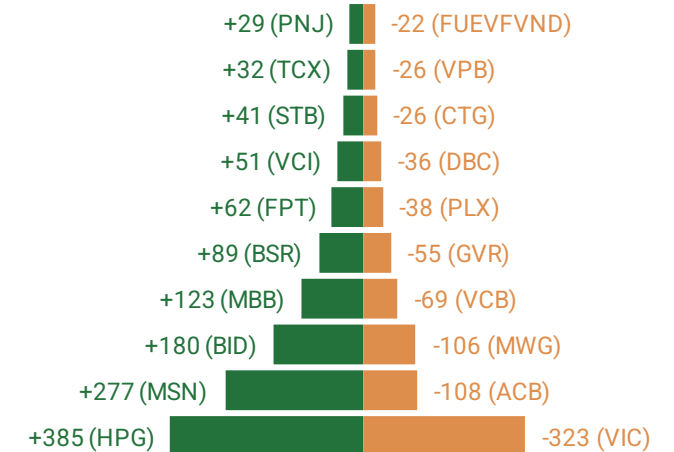


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

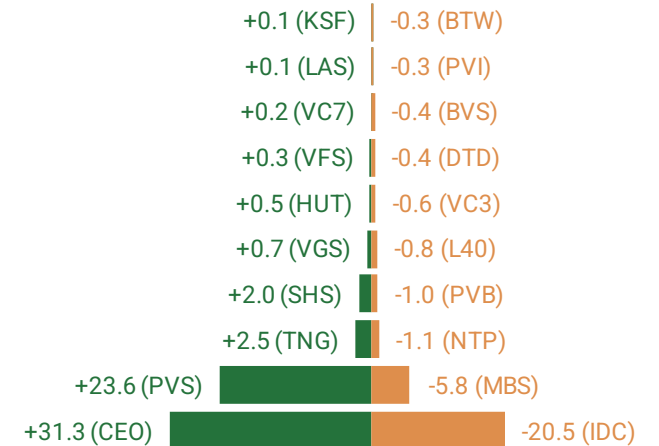


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

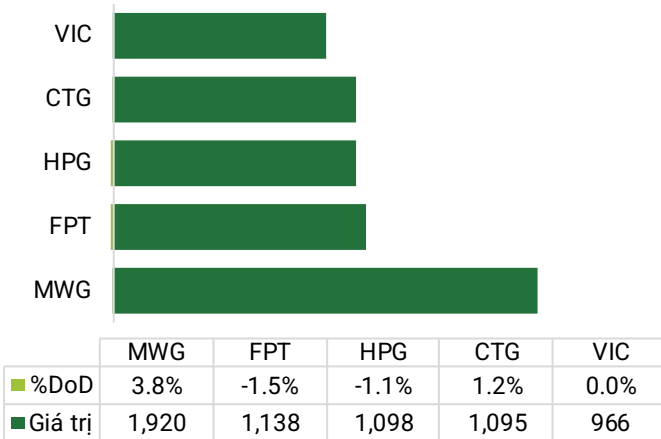
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



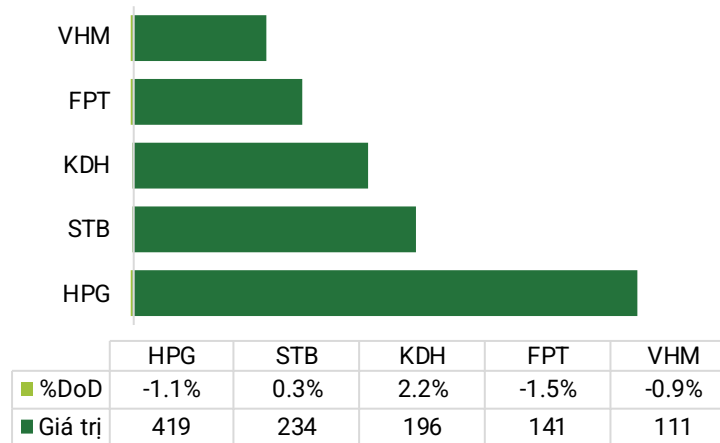
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

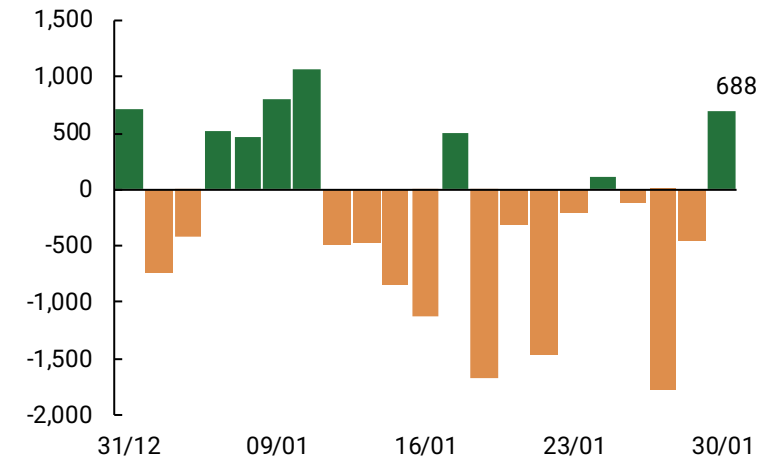


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

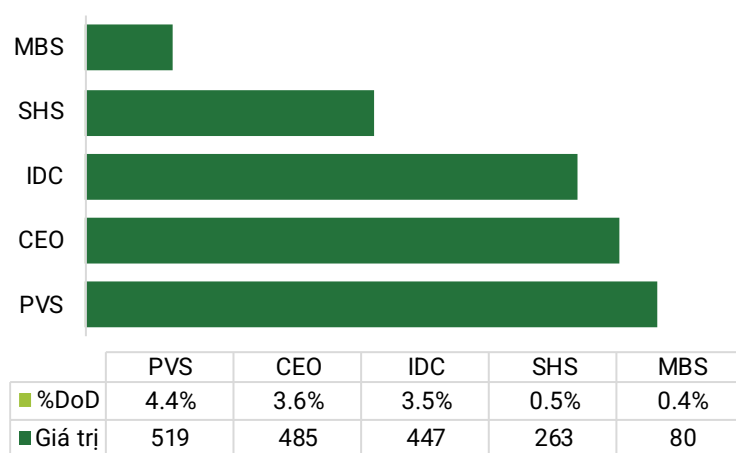


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

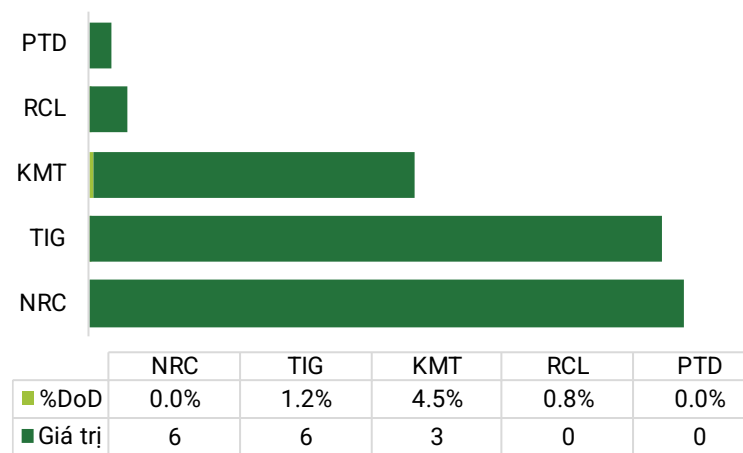
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



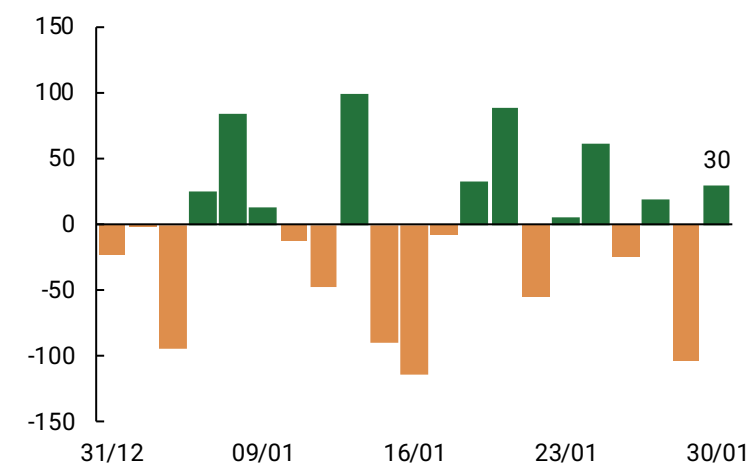
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Spinning Top, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng kỹ thuật khi tiếp cận vùng hỗ trợ tâm lý quanh ngưỡng 1800 điểm. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý động lực mua lên chưa thuyết phục. Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng để xác nhận quay lại quán tính tăng. Hiện kháng cự gần ở chiều hồi phục quanh ngưỡng 1850 - 1860 điểm, vận động có thể chứng lại và kiểm định thêm tại đây.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Bullish harami, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2000.
- ✓ Kháng cự: 2060 - 2080.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

➔ Chỉ số bật tăng khi tiếp cận mốc tâm lý 2000 điểm. Đáng chú ý, vol vẫn duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền lớn chưa nhập cuộc. Phản ứng có lẽ nghiêng về phục hồi kỹ thuật. Kháng cự gần quanh ngưỡng 2050 - 2060 điểm, vận động khả năng chứng lại và kiểm định thêm tại đây.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	DCM	BUY	Current price		36.6	P/E (x)	10.2	
Exchange	HOSE		Action price	02/02	36.1 - 36.6	P/B (x)	1.84	
Sector	Specialty Chemicals		Target price		41	12.9%	EPS	3577.7
			Cut loss		34	-6.3%	ROE	18.3%
						Stock Rating	BBB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA20 ngày.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu, cùng với RSI vận động trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy lực cầu tham gia tốt.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- ➔ Tín hiệu điều chỉnh lành mạnh và khả năng quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng khi giá rung lắc kiểm định thêm vùng 36 – 36.6.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DCM	Mua	02/02/2026	36.6	36.1 – 36.6	-	41.0	12.9%	34	-6.3%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	54.53	59 - 60	-8.4%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	84.00	79.4 – 79.9	5.5%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	104.50	100 - 101	4.0%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
4	PC1	Mua	30/01/2026	-	24.20	23.6 - 24	1.7%	26.5	11.3%	22.4	-5.9%	
5	TVN	Mua	30/01/2026	-	8.78	8.6 – 8.8	0.9%	10.0	14.9%	8	-8.0%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2035, tăng 9.9 điểm (+0.5%). Đà phục hồi tiếp tục chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có rung lắc vào cuối phiên chiều..
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá cho trạng thái kiểm định kháng cự quanh ngưỡng 2040 chưa thành công và áp lực điều chỉnh đang trở lại chi phối. Vận động có thể rung lắc trong vùng 2030 – 2040 để tích lũy thêm. Vị thế Long cân nhắc khi giá bút phá và củng cố được trên ngưỡng 2044. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2028, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục giao dịch dưới ngưỡng 2018.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1902.8, tăng 13.7 điểm (+0.7%). Độ lệch basis +7.4 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 47 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 1890, trong khi kháng cự mạnh ở chiều hồi phục là ngưỡng 1920 điểm.

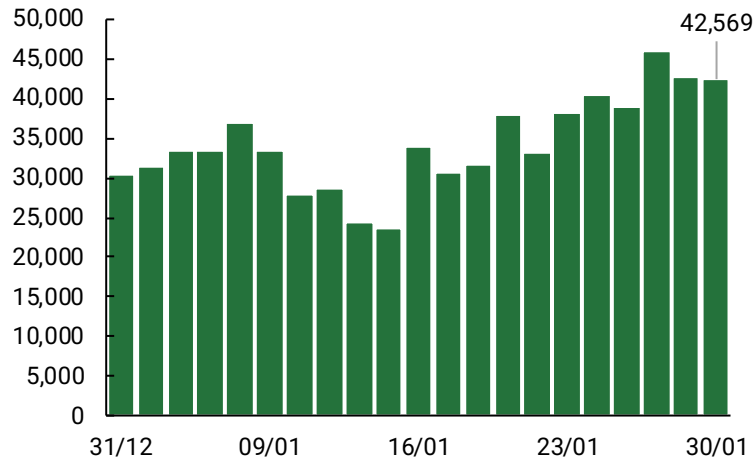
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2028	2018	2036	10 : 08
Short	< 2018	2006	2026	12 : 08
Long	> 2044	2058	2036	14 : 08

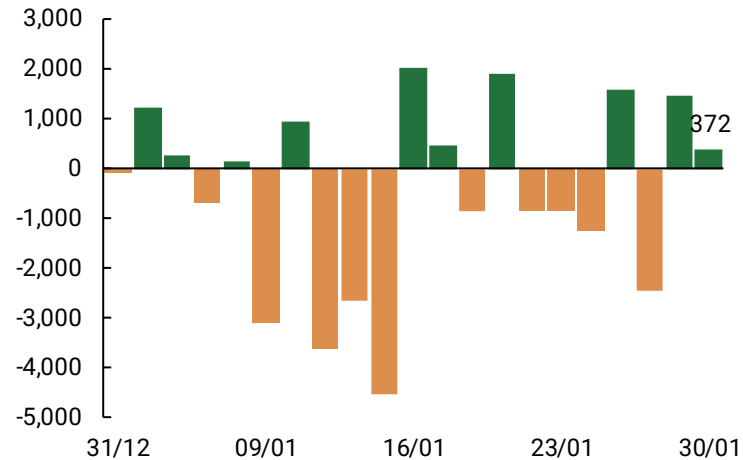
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,034.9	14.9	26	124	2,042.6	-7.7	17/09/2026	230
4111G6000	2,029.0	6.0	23	339	2,037.6	-8.6	18/06/2026	139
4111G3000	2,030.5	10.0	280	1,846	2,032.5	-2.0	19/03/2026	48
4111G2000	2,035.0	9.9	187,627	42,569	2,030.6	4.4	13/02/2026	14
4112G2000	1,902.8	13.7	47	31	1,896.1	6.7	13/02/2026	14

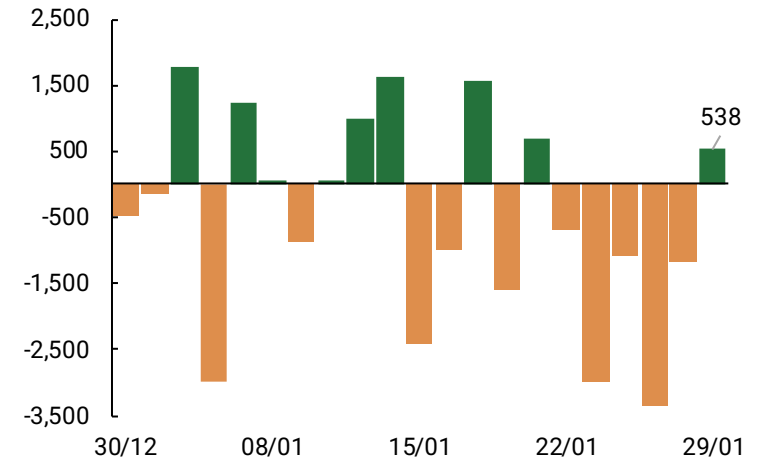
Khối lượng mở (Open interest)



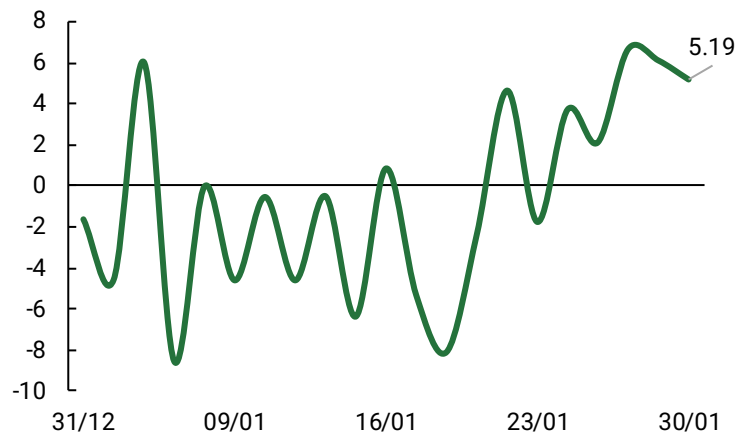
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



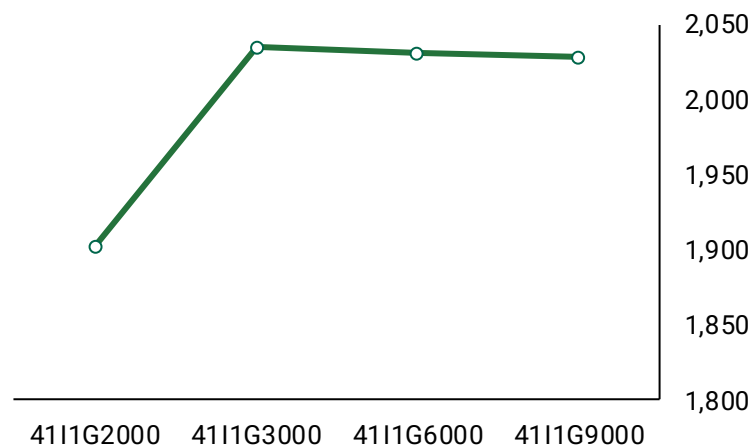
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



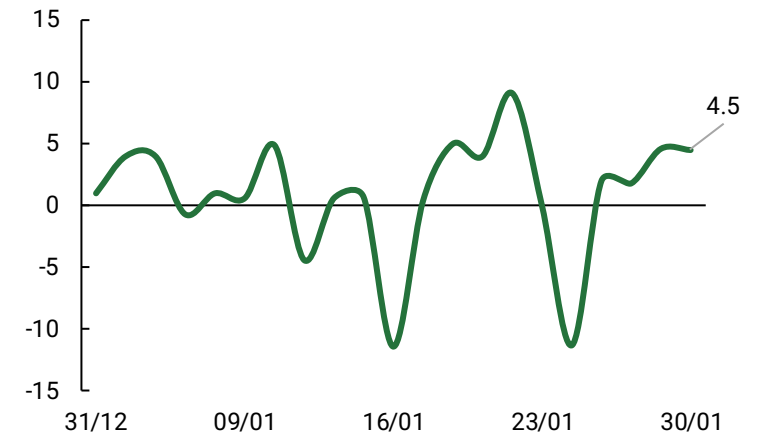
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,000	65,400	-10.4%	Bán
BCM	68,100	74,500	9.4%	Nắm giữ
CTD	76,800	87,050	13.3%	Tăng tỷ trọng
CTI	24,050	27,200	13.1%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,000	68,000	28.3%	Mua
DDV	29,378	35,900	22.2%	Mua
DGC	68,600	99,300	44.8%	Mua
DGW	49,000	48,300	-1.4%	Giảm tỷ trọng
DPG	44,450	53,100	19.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	41,250	46,500	12.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,459	17,200	38.1%	Mua
EVF	11,550	14,400	24.7%	Mua
FRT	169,900	157,600	-7.2%	Giảm tỷ trọng
GMD	68,500	77,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
HAH	56,500	67,600	19.6%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,450	34,500	25.7%	Mua
HHV	12,200	12,300	0.8%	Nắm giữ
HPG	26,800	34,200	27.6%	Mua
IMP	54,200	55,000	1.5%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,200	22,700	-16.5%	Bán
MSH	35,900	43,100	20.1%	Mua
MWG	92,900	99,600	7.2%	Nắm giữ
NLG	29,450	39,900	35.5%	Mua
NT2	26,300	27,700	5.3%	Nắm giữ
PHR	64,300	72,800	13.2%	Tăng tỷ trọng
PNJ	127,000	113,300	-10.8%	Bán
PVT	20,750	18,900	-8.9%	Giảm tỷ trọng
SAB	49,900	57,900	16.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,500	53,400	3.7%	Nắm giữ
TCB	35,900	35,650	-0.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,300	94,800	21.1%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	64,700	60,000	-7.3%	Giảm tỷ trọng
VNM	70,600	66,650	-5.6%	Giảm tỷ trọng
VSC	20,600	17,900	-13.1%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 05/01 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 06/01 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
- 09/01 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 13/01 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/01 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- 15/01 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
- 19/01 Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy
Việt Nam - Công bố thành phần VN30
- 20/01 Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 22/01 Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
- 28/01 Canada - BOC họp và công bố lãi suất
- 27 – 28/01 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
- 30/01 Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

Phát hiện mỏ dầu ngoài khơi Việt Nam: Phát biểu tại buổi họp báo thường kỳ quý IV/2025 do Bộ Công Thương tổ chức, ông Đặng Hải Anh, Phó Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than đã thông tin về lượng dầu được phát hiện tại mỏ Hải Sư Vàng (HSV-2X) tại lô 15-2, thuộc bể Cửu Long, cách bờ biển phía Nam Việt Nam khoảng 65 km.

Ông Trump dọa đánh thuế những nước cung cấp dầu mỏ cho Cuba: Vào ngày 29/1, Tổng thống Donald Trump đã ký một sắc lệnh hành pháp cho phép Mỹ đánh thuế lên sản phẩm từ những quốc gia bán hay cung cấp dầu mỏ cho Cuba. Đây là động thái mới nhất của ông Trump trong việc dùng thuế quan để định hình chính sách đối ngoại.

Mỹ thông báo nói lỏng trừng phạt dầu mỏ Venezuela: Chính phủ Mỹ thông báo nói lỏng các biện pháp trừng phạt đối với ngành dầu mỏ Venezuela, qua đó mở rộng khả năng hoạt động của các doanh nghiệp năng lượng Mỹ tại quốc gia Nam Mỹ này sau khi Caracas thông qua cải cách quan trọng mở cửa lĩnh vực dầu khí cho đầu tư tư nhân.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hòa Phát lãi gần 3,900 tỷ đồng trong quý 4, tăng 38%: Quý 4/2025, Tập đoàn Hòa Phát ghi nhận 47,302 tỷ đồng doanh thu, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 3,888 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2025, Tập đoàn đạt 158,332 tỷ đồng doanh thu, 15,515 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng tương ứng 13% và 29% so với năm 2024. Bán hàng HRC, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép lần đầu tiên trong lịch sử đạt 10.6 triệu tấn trong một năm, tăng 31% so với năm trước. Với kết quả này, Hòa Phát đã đạt 93% doanh thu và vượt 3% kế hoạch lợi nhuận.

TPB - TPBank thúc đẩy tăng trưởng nhờ kênh số, lợi nhuận năm 2025 tăng 21%: Năm 2025, TPBank ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt gần 18,900 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 9,203 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2024. Hiệu quả sinh lời tiếp tục được cải thiện khi tỷ suất ROE đạt trên 18%, tăng so với năm trước và ở mức tương đối tích cực so với mặt bằng chung của thị trường. Dư nợ tín dụng tăng 18.08%, trong khi huy động vốn thị trường 1 tăng khoảng 20%. Đáng chú ý, chất lượng tăng trưởng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0.96%, đồng thời, tỷ lệ CASA đạt 23.02%.

GEG báo lãi tăng mạnh: GEG đạt doanh thu thuần hơn 590 tỷ đồng trong quý 4, tăng 6% so với cùng kỳ. Đà tăng trưởng doanh thu điện chủ yếu đến từ việc Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1 và trụ A7 thuộc Nhà máy Điện gió VPL đã có giá bán điện chính thức. Chi phí tài chính cũng giảm mạnh, sau cùng, công ty lãi ròng hơn 83 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ. Lũy kế năm 2025, GEG lãi sau thuế 946 tỷ đồng, lãi ròng 702 tỷ đồng, gấp tương ứng 10.3 lần và hơn 6 lần so với nền thấp năm trước.

FRT - FPT Retail vượt kế hoạch doanh thu năm 2025: Năm 2025, FPT Retail đạt doanh thu 51,083 tỷ đồng, tăng 27%, trong đó, doanh thu online đạt 9,344 tỷ đồng, tăng 30% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế 1,219 tỷ đồng, tăng 131%, vượt kế hoạch. Long Châu mở rộng mạng lưới, doanh thu tăng 36% đạt 34,501 tỷ đồng, đóng góp 68% doanh thu hợp nhất. Chuỗi FPT Shop chính thức có lãi trở lại. Doanh thu chuỗi đạt 16,809 tỷ đồng, tăng 11%.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415